TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮKLẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST
Ngày: 25/11/2019.
"V/v Tranh chấp QSD đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐĂK LĂK

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Tuyển – Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi.

Ông Y Manh Ađrơng – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp **–** Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Mai Xuân Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2019, tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2019/TLST-DS ngày 21/8/2019, về việc "**Tranh chấp quyền sử dụng đất**", giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn B.

Trú tại: Thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B: Bà Sầm Thị Th, anh Hoàng Lưu A, chị Hoàng Thị Điệp A. Cùng trú tại: Thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk; anh Hoàng Tuấn A. Trú tại: thôn 3, xã ET, huyện E H, tỉnh Đắk Lắk *(Những người này đều ủy quyền cho anh Hoàng Tuấn A tham gia tố tụng, giấy ủy quyền ngày 28/10/2019*).

***Đồng bị đơn:**

1. Ông Lê Hữu H. Trú tại: Thôn c, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc D. Trú tại: Thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (giấy ủy quyền ngày 05/8/2019) – ông D- có mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng Ph. Trú tại: thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Tr. Trú tại: thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Bà Tr vắng mặt do đã ủy quyền cho ông Lê Văn S chồng bà Tr tham gia tố tụng (giấy ủy quyền ngày 15/5/2018) – ông S có mặt.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Văn S (chồng của bà Tr). Trú tại: Thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bà Mai Thị T (vợ ông Ph). Trú tại: Thôn B, xã EH, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

3. Ông Nguyễn Quốc D. Trú tại: Thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

4. Bà Lê Thị D (vợ ông H).Trú tại: Thôn c, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Bà D vắng mặt vì đã ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc D tham gia tố tụng.

5. Bà Sầm Thị Th. Trú tại: Thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

6. Anh Hoàng Lưu A. Trú tại: Thôn B, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

7. Anh Hoàng Tuấn A. Trú tại: Thôn B, xã ET, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

*** Người làm chứng:** Bà Trần Thị Nh.

Trú tại: Thôn A, xã EW, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017, bản tự khai biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn, trình bày:

Năm 1990, gia đình ông B từ Cao Bằng vào huyện EH sinh sống, năm 1991 được UBND xã EW cấp cho 01 thửa đất. Đến năm 1994 được UBND huyện EH cấp giấy chứng nhận QSDD số D 0413950 với diện tích là 480m2, chiều rộng 6m, chiều dài 77m. Nhưng thực tế gia đình ông B chỉ sử dụng phần chiều dài khoảng hơn 40m tính từ đường đi vào, phần còn lại phía sau do các hộ ông Ph, ông H và bà Tr quản lý sử dụng. Phần diện tích đất của gia đình ông B bị thiếu so với giấy chứng nhận là khoảng hơn 30m chiều dài. Do vậy, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các hộ đang sử dụng phần đất nói trên trả lại đất cho gia đình ông B. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ kiện ông B có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ của các hộ nói trên, tuy nhiên hiện nay ông đã rút đối với yêu cầu này.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn B, gồm: Bà Sầm Thị Th, anh Hoàng Lưu A, anh Hoàng Tuấn A đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B và đề nghị Tòa án giải quyết buội các hộ nói trên trả lại phần đất còn thiếu so với giấy chứng nhận mà hiện hay các hộ ông H, ông Ph, bà Tr cho gia đình ông B. Chị Hoàng Thị Điệp A (con ông B) trình bày đất đai là tài sản của cha mẹ, chị không có liên quan nên không có yêu cầu gì, chị đề nghị giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các đồng bị đơn:

- Ông Nguyễn Trọng Ph trình bày: Gia đình tôi được UBND xã EW cấp cho 01 lô đất tại thôn B, xã Ew có diện tích 360m2, năm 2002 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSDĐ, kể từ khi được cấp đất đến nay gia đình ông vẫn sử dụng ổn định không hề lấn chiếm và tranh chấp gì với ai. Ranh giới, tứ cận thửa đất không hề thay đổi và được ngăn cách bởi hàng rào giữa các hộ từ trước đến nay. Mặc dù diện

tích đất thực tế ông sử dụng có chênh lệch so với diện tích trong Giấy chứng nhận nhưng nguyên nhân là do sai số trong quá trình đo đạc, vì trước đây khi cấp giấy chứng nhận thì đo tay mà hiện nay giải quyết tranh chấp thì đo máy. Nay ông B khởi kiện yêu cầu gia đình tôi trả phần đất mà ông B bị thiếu so với giấy chứng nhận thì ông Phượng không đồng ý, vì chúng ông không hề lấn chiếm đất của ông B.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Tr: Năm 2005 vợ chồng tôi có mua 01 thửa đất của bà Trần Thị Nh, có diện tích chiều dài 40m, chiều rộng 8,7m. Đến năm 2009 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Kể từ khi mua đến nay chúng tôi sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, chúng tôi không hề lấn chiếm đất của ai. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Ý kiến của ông Lê Hữu H (bản tự khai ngày 15/5/2018), năm 1993 vợ chồng tôi được nhà nước cấp 01 lô đất thổ cư tại thôn B xã EW, huyện EH đến tháng 10/1993 vợ chồng tôi đã làm nhà ở ổn định, gia đình tôi không có tranh chấp gì với ai. Năm 2012 thì ông B khởi kiện chúng tôi ra UBND xã và UBND xã đã mời chúng tôi ra giải quyết tranh chấp và đến nay ông B khởi kiện chúng tôi ra Tòa án chúng tôi không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông H đồng thời cũng là người có quyền, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Quốc D trình bày: Hiện nay tôi là người đang quản lý sử dụng thửa đất của ông bà Lê Hữu H do tôi nhận chuyển nhượng của ông H nhưng chưa làm giấy tờ thủ tục do đang có tranh chấp. Nay tôi với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cũng là người được vợ chồng ông H ủy quyền tham gia tố tụng tôi thấy yêu cầu khởi kiện của ông B là vô lý, bởi vì thực tế các hộ ông H, ông Ph, bà Tr không hề có hành vi lấn chiếm đất của ông B các hộ đều sử dụng ổn định từ khi được cấp đến nay vấn đề này các buổi hòa giải tại Tòa án ông B cũng đều thừa nhận không có hành vi lấn chiếm nhưng do đất của ông còn thiếu so với bìa đỏ nên ông kiện. Tôi cho rằng đất của ông B thiếu so với bìa đỏ là do sai sót trong việc đo đạc chứ thực tế ông B chưa hề sử dụng phần đất thiếu đó ngày nào. Nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B. Còn đối với vấn đề chuyển nhượng đất giữa tôi và vợ chồng ông H thì tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Bà Mai Thị T (vợ ông Ph) đồng ý với ý kiến của ông Ph và không có ý kiến bổ sung gì.

Ông Lê Văn S (chồng bà Tr) đồng ý với lời trình bày của bà Tr và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Ý kiến của người làm chứng bà Trần Thị Nh (bản tự khai ngày 29/5/2019): Năm 1993 tôi được UBND xã EW cấp cho 01 thửa đất chiều dài 40m, chiều rộng 9m, sau khi được cấp tôi sử dụng không có tranh chấp gì với ai đến năm 2005 thì tôi chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà Tr. Việc ông B cho rằng vợ chồng bà Tr lấn đất của ông là không đúng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc chấp hành pháp luật của đương sự; tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định tư cách tham gia tố tụng các đương sợ đúng; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục phiên tòa; đối với các đương sự đều thực đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông B là không có căn cứ, vì quá trình sử dụng đất từ khi được cấp đến nay ông B không hề sử dụng phần đất còn thiếu so với giấy chứng nhận, vị trí và ranh giới các thửa đất mà ông B và các hộ ông H, ông Ph, bà Tr đều ổn định không hộ nào lấn chiếm của hộ nào, tuy diện tích thực tế các hộ sử dụng có chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đây chỉ là sai sót trong quá trình đo đạc cấp giấy chứng nhận chứ không phải vì lấn chiếm mà có sự chênh lệch về diện tích.

Do vậy, đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các điều 26; 35; 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, HĐXX thấy rằng: Năm 1991 ông Hoàng Văn B được UBND xã giao cho 01 thửa đất để làm nhà ở, gia đình ông đã làm nhà ở trên thửa đất này. Đến năm 1994 thì ông được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, diện tích trong giấy chứng nhận là: chiều rộng 6m, chiều dài một cạnh 78m, một cạnh 77m.

Qua đo đạc thực tế thì hiện nay hộ ông B đang quan lý sử dụng phần diện tích đất như sau: Phía đông giáp đường đi liên thôn rộng 7,95m; Phía tây giáp đất nhà ông H rộng 6,17m; Phía bắc giáp trường mẫu giáo dài 44,99m; Phía nam giáp đất ông Th dài 45,07m. Tổng diện tích hiện nay ông B đang sử dụng là 317,9m2. So với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì phần đất chiều rộng phía đông ông B đang sử dụng lớn hơn 1,95m, chiều rộng phía tây lớn hơn 17cm; chiều dài toàn bộ thửa đất, phía bắc ngắn hơn 33,1m, phía nam ngắn hơn 31,3m. Thửa đất số 107, tọa lạc tại thôn 3, xã EaWy, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận QSDĐ số D 0413950.

Hộ ông Lê Hữu H sử dụng: Phía đông giáp trường mẫu giáo và đất ông B dài 41,21m *(cạnh này có hình dạng zích zắc chỗ rộng, chỗ hẹp)*; Phía tây giáp đất ông H dài 41,21m; Phía bắc giáp đường đi rộng 10,34; Phía nam giáp đất ông Th rộng 11,30m. Tổng diện tích hiện nay ông Hội đang sử dụng là 5.018m2. Diện tích theo giấy chứng nhận là 380m2. Thửa đất số 270, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại thôn B, xã EW, giấy chứng nhận số W 803853, cấp ngày 11/02/2003.

Hộ ông Nguyễn Trọng Ph đang sử dụng: Phía đông giáp đất ông H dài 41,21m; Phía tây giáp đất bà Tr dài 40,65m; Phía bắc giáp đường đi rộng 8,94m; Phía nam giáp đất ông Th rộng 8,79m. Tổng diện tích hiện nay ông Ph đang sử

dụng là 366,2m2. Diện tích trong giấy chứng nhận là 360m2, thửa đất số 108, tọa lạc tại thôn B, xã EW, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận số R 496003, cấp ngày 11 tháng 3 năm 2002.

Hộ bà Nguyễn Thị Tr đang sử dụng: Phía đông giáp đất ông Ph dài 40,65m; Phía tây giáp đất ông H dài 40,27m; Phía bắc giáp đường đi rộng 8,86m; Phía nam giáp đất ông Th rộng 9,04m. Tổng diện tích hiện nay bà Tr đang sử dụng là 359,9m2. Diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 326m2, đất thuộc thửa số 296 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn 3B, xã EaWy; giấy chứng nhận số AM 728959, cấp ngày 08/01/2009.

Qúa trình sử dụng đất thực tế từ khi được cấp đất đến nay ông B chỉ sử dụng phần đất có chiều dài (Phía bắc 44,99m; Phía nam 45,07m 45m), phần còn lại phía sau ông B không hề sử dụng, phần đất ông sử dụng đã được làm hàng rào ngăn cách. Không hề có hành vi lấn chiếm đất của bất kỳ ai đối với diện tích ông đang sử dụng. Việc ông khởi kiện là do khi phát hiện thấy trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình được cấp dài hơn đất thực tế, nên ông mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lấy phần đất ông còn thiếu trong giấy chứng nhận của ông mà các hộ ông H, ông Ph, bà Tr đang sử dụng. Qua thụ lý giải quyết vụ kiện, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận các bên sử dụng đất ổn định từ khi được cấp và không hề có hành vi lấn chiếm xảy ra, đất của ai vẫn do người đó quản lý sử dụng. Tuy diện tích đất thực tế sử dụng của các hộ có chênh lệch so với giấy chứng nhận được cấp, nhưng đây chỉ là vấn đề sai số (sai số cả về chiều rộng và chiều dài) trong qúa trình đo đạc khi cấp giấy chứng nhận, chứ không phải do lấn chiếm. Vì vậy, quyền và lợi ích của hộ ông B không bị các hộ ông H, ông Ph, bà Tr xâm phạm. Do đó, việc ông B khởi kiện yêu cầu các hộ ông H, ông Ph và bà Tr trả lại phần đất còn thiếu so với giấy chứng nhận của ông là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[3] Đối với vấn đề có biến động sai số chênh lệch diện tích thực tế so với diện tích trên giấy chứng nhận QSDĐ thì các hộ sử dụng đất nói trên có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng quan lý đất đai để yêu cầu đính chính hoặc thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận QDSĐ đúng hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

[4] Đối với yêu cầu của ông B, về việc Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất nói trên của ông H, ông Ph và bà Tr. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện khi ông B có đơn khởi kiện bổ sung thì Tòa án huyện Ea H'Leo đã chuyển hồ sơ vụ án lên cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo thẩm quyền, tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án tỉnh Đắk Lắk cho rằng nếu quá trình giải quyết vụ kiện xét thấy yêu cầu của ông B là có căn cứ thì chỉ cần kiến nghị cơ quan chức năng thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận chứ không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận nên đã chuyển vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo giải quyết. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo thụ lý lại hồ sơ vụ án thì ông Hoàng Văn B đã có đơn xin rút đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ nói trên, nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Đối với ông Nguyễn Quốc D người hiện nay đang quản lý sử dụng diện tích đất của hộ ông H, theo ông D trình bày thì ông H đã chuyển nhượng lại cho ông nhưng do tranh chấp chưa làm được thủ tục chuyển nhượng, đây là một quan hệ pháp luật khác không liên quan đến việc tranh chấp Quyền sử dụng đất và ông D cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Tổng giá trị tài sản tranh chấp được định giá là 37.559.725đ x5% = 1.877.000đ, như vậy án phí DSST phải nộp là 1.877.000đ *(một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)*. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên buộc ông Hoàng Văn B phải chịu toàn bộ án phí nói trên, tuy nhiên hiện nay ông B đã chết, nên buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Sầm Thị Th, anh Hoàng Tuấn A, anh Hoàng Lưu A, chị Hoàng Thị Điệp A phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí nói trên, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000đ (*bảy trăm năm mười nghìn đồng)*, số còn lại phải tiếp tục nộp là 1.127.000đ *(một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng)*.

[7] Về chi phí thẩm định (đo đạc) và định giá tài sản là 8.494.000đ *(tám triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng)* ông Hoàng Văn B đã nộp tạm ứng trước nhưng do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông B phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nói trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26; 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 147; Điều 161; Điều 266 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; các Điều 106; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, về việc buộc các hộ ông Lê Hữu H, ông Nguyễn Trọng Ph, bà Nguyễn Thị Tr phải trả lại phần đất còn thiếu trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 107, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận QSDĐ số D 0413950, cấp ngày 16/5/1994.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy một phần các giấy chứng nhận QSDĐ số: R 496003, cấp ngày 11 tháng 3 năm 2002; Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 728959, cấp ngày 08/01/2009 và Giấy chứng nhận QSDĐ số W 803853, cấp ngày 11/02/2003.

Các hộ sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên liên hệ với các cơ quan chức năng quả lý đất đai để yêu cầu đính chính hoặc thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận QDSĐ đúng hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Về chi phí thẩm định (đo đạc) và định giá tài sản là 8.494.000đ *(tám triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng)* ông Hoàng Văn B đã nộp tạm ứng trước nhưng do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông B phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nói trên (đã thực hiện xong).

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.877.000đ *(một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* ông Hoàng Văn B phải nộp. Tuy nhiên hiện nay ông B đã chết nên buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Sầm Thị Th, anh Hoàng

Tuấn A, anh Hoàng Lưu A, chị Hoàng Thị Điệp A phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí nói trên, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000đ (*bảy trăm năm mười nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai số 0000890 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, số tiền còn lại phải tiếp tục nộp là 1.127.000đ *(một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng)*.

Về quyền kháng cáo: Người kết thừa nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và các bị đơn, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện EH;
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

BÙI VĂN LONG